BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2014/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2014

THÔNG TƯ
Ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho 04 nghề thuộc nhóm nghề Kinh doanh và Quản lý

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho 04 nghề thuộc nhóm nghề Quản lý và Kinh doanh như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Marketing thương mại; Tài chính tín dụng; Tài chính doanh nghiệp; Quản lý khai thác công trình thủy lợi, để áp dụng đối với các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp công lập và tư thục có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề trên (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề) nhưng không bắt buộc áp dụng đối với cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Marketing thương mại" (Phụ lục 1).

2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Tài chính tín dụng" (Phụ lục 2).

3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Tài chính doanh nghiệp" (Phụ lục 3).

4. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Quản lý khai thác công trình thủy lợi" (Phụ lục 4).

Điều 2. Căn cứ quy định tại Thông tư này, hiệu trưởng các cơ sở dạy nghề có đăng ký hoạt động dạy nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2014.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các cơ sở dạy nghề có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho 04 nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Phi

Phụ lục 01

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Marketing thương mại"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2014/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Marketing thương mại
Mã nghề: 40340117
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 35
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nhận biết được xu hướng vận động của thị trường;

+ Trình bày được các mục tiêu chiến lược marketing doanh nghiệp;

+ Trình bày được quy trình lập kế hoạch các chương trình: quan hệ công chúng, quảng cáo, tiếp thị, bán hàng, quảng bá thương hiệu...;

+ Nhận biết được tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động marketing của doanh nghiệp;

+ Đánh giá được ảnh hưởng về hành vi tiêu dùng của khách hàng đối với các chính sách marketing của doanh nghiệp;

+ Dự đoán được những phản ứng của người tiêu dùng đối với việc lựa chọn sản phẩm của doanh nghiệp;

+ Phân biệt được các thị trường mục tiêu cho doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Lập được kế hoạch và thực hiện các chương trình: quan hệ công chúng, quảng cáo, tiếp thị, quảng bá thương hiệu...;

+ Tổ chức và thực hiện được các hoạt động marketing cho doanh nghiệp;

+ Lựa chọn được nhân lực cho hoạt động marketing của doanh nghiệp;

+ Thực hiện được các nhiệm vụ chào hàng, bán hàng;

+ Vận dụng được khoa học kỹ thuật vào hoạt động Marketing;

+ Sử dụng được các công cụ truyền thông thông dụng.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu được chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước;

+ Hiểu được kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của nhà nước và Luật Lao động;

+ Hiểu được đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển xây dựng của địa phương, khu vực, vùng, miền;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có ý thức, trách nhiệm cao trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí của công trong học tập, lao động sản xuất;

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, thái độ hợp tác với đồng nghiệp tích cực, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tỷ mỷ chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao ở các nhà máy, xí nghiệp sản xuất, công ty;

+ Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp;

+ Có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Hiểu được các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu được những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp hệ trung cấp nghề, nghề Marketing thương mại, học sinh có thể:

+ Làm việc tại một số phòng ban có tính chất quản lý của các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội;

+ Làm nhân viên phụ trách marketing, nhân viên bán hàng và quản lý khách hàng, nhân viên quan hệ công chúng, nhân viên truyền thông, nhân viên kinh doanh và nhân viên tiếp thị;

+ Khởi nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 320 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1815 giờ; thời gian học tự chọn: 525 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 680 giờ; thời gian học thực hành: 1660 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1815**	**479**	**1245**	**91**
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	**375**	**205**	**146**	**24**
MH 07	Luật kinh tế	30	20	8	2
MH 08	Nguyên lý thống kê	30	15	13	2
MH 09	Kinh tế vi mô	45	25	17	3
MH 10	Lý thuyết kế toán	75	40	30	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 11	Marketing căn bản	45	30	12	3
MH 12	Soạn thảo văn bản	30	15	12	3
MH 13	Quản trị nguồn nhân lực	60	40	17	3
MĐ 14	Tin học ứng dụng trong kinh doanh (sử dụng phần mềm SPSS)	60	20	37	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1440**	**274**	**1099**	**67**
MĐ 15	Tiếng Anh chuyên ngành	60	25	30	5
MĐ 16	Nghiên cứu marketing	90	30	55	5
MĐ 17	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	90	20	65	5
MĐ 18	Hành vi khách hàng	90	30	55	5
MĐ 19	Marketing thương mại	60	25	30	5
MĐ 20	Quản trị bán hàng	90	18	67	5
MĐ 21	Quan hệ công chúng	90	20	65	5
MĐ 22	Quản trị marketing	90	30	55	5
MĐ 23	Nghiệp vụ marketing thương mại	220	20	195	5
MĐ 24	Quản trị thương hiệu	75	18	52	5
MĐ 25	Thương mại điện tử	75	18	52	5
MĐ 26	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	90	17	68	5
MĐ 27	Thực tập tốt nghiệp	320	3	310	7
	Tổng cộng	**2025**	**585**	**1332**	**108**

IV. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 28	Quản trị học	45	30	12	3
MH 29	Hành vi tổ chức	60	30	27	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Tâm lý kinh doanh	60	20	35	5
MĐ 31	Phân tích hoạt động kinh doanh	75	18	55	2
MĐ 32	Quản trị doanh nghiệp	60	18	40	2
MH 33	Marketing quốc tế	45	30	12	3
MĐ 34	Quản trị sản phẩm	90	30	54	6
MĐ 35	Nghiệp vụ quảng cáo	90	25	60	5
MĐ 36	Quản trị kênh phân phối	60	30	27	3
MĐ 37	Định giá sản phẩm	75	45	25	5
	Tổng cộng	**660**	**276**	**347**	**37**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các cơ sở dạy nghề căn cứ vào thời gian, tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành đã được quy định, đồng thời căn cứ vào nhu cầu cần thiết của vùng, miền và cơ sở vật chất hiện có để xây dựng chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp.

- Thời gian đào tạo các môn học bắt buộc chiếm 77,6%, thời gian học các môn học mô đun tự chọn chiếm 22,4% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề.

- Thời gian học thực hành chiếm 71%, thời gian học lý thuyết chiếm 29% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề.

Ví dụ: Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn 8 trong số 10 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 28	Quản trị học	45	30	12	3
MH 29	Hành vi tổ chức	60	30	27	3
MH 30	Tâm lý kinh doanh	60	20	35	5
MĐ 31	Phân tích hoạt động kinh doanh	75	18	55	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 32	Quản trị doanh nghiệp	60	18	40	2
MH 33	Marketing quốc tế	45	30	12	3
MĐ 34	Quản trị sản phẩm	90	30	54	6
MĐ 35	Nghiệp vụ quảng cáo	90	25	60	5
	Tổng cộng	**525**	**201**	**295**	**29**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1.

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp nghề.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: Theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Nghiên cứu marketing, Quan hệ công chúng, Quản trị marketing, Quản trị thương hiệu;

+ Thực hành nghề: Các kỹ năng về Nghiệp vụ marketing thương mại.

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 90 phút

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành*)	Viết, bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 4 giờ Không quá 4 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện

Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp, có thể:

- Tổ chức tham quan một số doanh nghiệp chuyên làm Truyền thông
- Tổ chức cho học sinh tham gia chương trình Tổ chức sự kiện, Hội chợ
- Tổ chức tham quan một số doanh nghiệp thương mại
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ học 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề.

- Dựa theo chương trình khung này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề trường cần giảng dạy bổ sung số giờ cho những môn học, mô đun bắt buộc và một số môn học, mô đun tự chọn trong chương trình trung cấp nghề chưa giảng dạy./.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Marketing thương mại
Mã nghề: 50340117
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 41
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nhận biết được xu hướng vận động của thị trường;

+ Trình bày được các mục tiêu chiến lược marketing doanh nghiệp;

+ Trình bày được quy trình lập kế hoạch các chương trình: Truyền thông, quảng cáo, tiếp thị, quảng bá thương hiệu...;

+ Phân tích được tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động marketing của doanh nghiệp;

+ Phân tích được ảnh hưởng về hành vi tiêu dùng của khách hàng đối với các chính sách marketing của doanh nghiệp;

+ Dự đoán được những phản ứng của người tiêu dùng đối với việc lựa chọn sản phẩm của doanh nghiệp;

+ Nhận biết và phân đoạn được các thị trường trọng điểm cho doanh nghiệp;

+ Phân biệt được chiến lược marketing cho các nhóm khách hàng khác nhau.

- Kỹ năng:

+ Xây dựng được các chiến lược marketing ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;

+ Thiết lập và duy trì được chính sách giá của sản phẩm dịch vụ;

+ Phân đoạn và lựa chọn được thị trường trọng điểm cho doanh nghiệp;

+ Lập được kế hoạch và thực hiện được các chương trình: Truyền thông, quan hệ công chúng, quảng cáo, tiếp thị, quảng bá thương hiệu...;

+ Tổ chức được các hoạt động marketing cho doanh nghiệp;

+ Lập được dự toán kinh phí cho các hoạt động marketing;

+ Lựa chọn được nhân lực cho hoạt động marketing của doanh nghiệp;

+ Thiết lập được các kênh phân phối chào hàng, bán hàng và đề xuất các phương pháp cải tiến sản phẩm dịch vụ;

+ Tổ chức được các chương trình huấn luyện - đào tạo đội ngũ nhân viên marketing;

+ Ứng dụng được khoa học kỹ thuật vào hoạt động marketing;

+ Đánh giá được hoạt động marketing của doanh nghiệp và đưa ra được những tư vấn hợp lý cho lãnh đạo doanh nghiệp;

+ Sử dụng thành thạo các công cụ truyền thông thông dụng;

+ Có khả năng làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp tốt với đồng nghiệp, với khách hàng.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu được chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước;

+ Hiểu được kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của nhà nước và Bộ luật Lao động;

+ Hiểu được đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển xây dựng của địa phương, khu vực, vùng, miền;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có ý thức, trách nhiệm cao trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí của công trong học tập, lao động sản xuất;

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, thái độ hợp tác với đồng nghiệp tích cực, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tỷ mỷ chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao ở các nhà máy, xí nghiệp sản xuất, công ty;

+ Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp;

+ Có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Hiểu được các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu được những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp hệ cao đẳng nghề, nghề Marketing thương mại, sinh viên sẽ làm việc tại các vị trí:

+ Làm việc tại một số phòng ban có tính chất quản lý trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội;

+ Làm trưởng nhóm phụ trách marketing; phụ trách nhóm bán hàng;

+ Làm nhân viên phụ trách marketing, nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý và chăm sóc khách hàng, nhân viên quan hệ công chúng, nhân viên truyền thông, nhân viên kinh doanh, nhân viên làm quảng cáo chuyên nghiệp và nhân viên tiếp thị;

+ Khởi nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2500 giờ; Thời gian học tự chọn: 800 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 1020 giờ; Thời gian học thực hành: 2280 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2500**	**675**	**1711**	**114**
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	**495**	**236**	**230**	**29**
MH 07	Luật kinh tế	30	15	13	2
MH 08	Nguyên lý thống kê	45	30	13	2
MĐ 09	Kinh tế vi mô	60	25	32	3
MĐ 10	Lý thuyết kế toán	75	30	40	5
MH 11	Marketing căn bản	60	30	27	3
MH 12	Soạn thảo văn bản	45	26	16	3
MH 13	Quản trị học	45	25	17	3
MĐ 14	Hành vi tổ chức	75	25	45	5
MH 15	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	60	30	27	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**2005**	**439**	**1481**	**85**
MĐ 16	Anh văn chuyên ngành	90	30	54	6
MĐ 17	Tâm lý kinh doanh	60	20	37	3
MĐ 18	Nghiên cứu marketing	120	28	87	5
MĐ 19	Marketing thương mại	60	30	27	3
MĐ 20	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	90	30	55	5
MĐ 21	Hành vi khách hàng	90	30	57	3
MĐ 22	Quản trị bán hàng	90	30	55	5
MĐ 23	Kinh tế thương mại	60	30	27	3
MĐ 24	Quan hệ công chúng	120	30	84	6
MĐ 25	Marketing quốc tế	45	20	22	3
MĐ 26	Quản trị marketing	120	30	85	5
MĐ 27	Quản trị nguồn nhân lực	75	20	50	5
MĐ 28	Thương mại điện tử	75	20	51	4
MĐ 29	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	120	30	84	6
MĐ 30	Nghiệp vụ marketing thương mại	280	30	235	15
MĐ 31	Quản trị thương hiệu	90	30	57	3
MĐ 32	Thực tập tốt nghiệp	420	1	414	5
	Tổng cộng	**2950**	**895**	**1911**	**144**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Quản trị văn phòng	60	30	27	3
MH 34	Toán kinh tế	75	49	22	4
MH 35	Kinh tế vĩ mô	60	30	27	3
MH 36	Kinh doanh quốc tế	45	30	12	3
MĐ 37	Tin học học văn phòng	75	15	55	5
MĐ 38	Đạo đức kinh doanh	90	30	57	3
MĐ 39	Phân tích hoạt động kinh doanh	90	45	42	3
MH 40	Quản trị quan hệ khách hàng	90	60	24	6
MH 41	Quản trị sản phẩm	120	60	54	6
MĐ 42	Nghiệp vụ quảng cáo	125	30	90	5
MĐ 43	Quản trị kênh phân phối	90	30	57	3
MĐ 44	Định giá sản phẩm	75	30	40	5
MĐ 45	Quản trị chiến lược	120	30	85	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các cơ sở dạy nghề căn cứ vào thời gian, tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành đã được quy định, đồng thời căn cứ vào nhu cầu cần thiết của vùng, miền và cơ sở vật chất hiện có để xây dựng chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp.

- Thời gian đào tạo các môn học bắt buộc chiếm 75,7%, thời gian học các môn học mô đun tự chọn chiếm 24,3% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề.

- Thời gian học thực hành chiếm 69%, thời gian học lý thuyết chiếm 31% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề.

Ví dụ: Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn 9 trong số 13 môn học, mô đun có trong danh mục mô học, mô đun tự chọn trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Quản trị văn phòng	60	30	27	3
MH 35	Kinh tế vĩ mô	60	30	27	3
MĐ 38	Đạo đức kinh doanh	90	30	57	3
MĐ 39	Phân tích hoạt động kinh doanh	90	45	42	3
MH 40	Quản trị quan hệ khách hàng	90	60	24	6
MĐ 41	Quản trị sản phẩm	120	60	54	6
MĐ 42	Nghiệp vụ quảng cáo	125	30	90	5
MĐ 43	Quản trị kênh phân phối	90	30	57	3
MĐ 44	Định giá sản phẩm	75	30	40	5
	Tổng cộng	**800**	**345**	**418**	**37**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1.

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Sinh viên phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Cao đẳng nghề.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: Theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Nghiên cứu marketing, Quan hệ công chúng, Quản trị marketing, Quản trị thương hiệu;

+ Thực hành nghề: Các kỹ năng về: Nghiệp vụ marketing thương mại.

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 4 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 4 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện

- Học tập nội quy, quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường.

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể:

+ Tổ chức tham quan một số doanh nghiệp chuyên làm Truyền thông;

+ Tổ chức cho sinh viên tham gia những chương trình Tổ chức sự kiện, Hội chợ triển lãm;

+ Tổ chức tham quan một số doanh nghiệp Sản xuất - Thương mại.

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ học 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, cơ sở dạy nghề đã sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình khung này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề trường cần giảng dạy bổ sung số giờ cho những môn học, mô đun có mã số: MH 08, MH 09, MH 13, MĐ 17, MĐ 19, MĐ 20, MĐ 22, MĐ 23, MĐ 24, MĐ 25, MĐ 27, MĐ 28, MĐ 30, MĐ 31./.

Phụ lục 02

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Tài chính tín dụng"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2014/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Tài chính tín dụng

Mã số nghề: 40340203

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì bổ sung phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán, tài chính trong việc thực hiện nghiệp vụ tài chính - ngân hàng được giao;

+ Hiểu được những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, tài chính - ngân hàng, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, có kiến thức cơ bản và nâng cao về tiền tệ ngân hàng và thị trường chứng khoán;

+ Hiểu được phương pháp và cách thức sử dụng các thiết bị văn phòng hiện đại, các chương trình phần mềm tin học thông dụng trong trao đổi thông tin nghiệp vụ, trong quản lý ngân hàng và bảo mật thông tin;

+ Xác định được từng loại hình bảo lãnh của ngân hàng, hồ sơ vay vốn ngân hàng;

+ Xác định được các nội dung kế toán huy động, tín dụng, thanh toán tại ngân hàng;

+ Xác định được những nội dung kế toán tổng hợp, thanh toán điện tử liên ngân hàng, gửi tiết kiệm, cho vay, quyết toán;

+ Xác định được phương pháp cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính tiền tệ, kế toán, thuế vào công tác tài chính - ngân hàng.

- Kỹ năng:

+ Lập được các các loại chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán tài chính - kế toán ngân hàng;

+ Sử dụng đúng chứng từ kế toán ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;

+ Thực hiện được việc tổ chức công tác tài chính kế toán phù hợp với loại hình ngân hàng;

+ Lập được các loại báo cáo kế toán tài chính theo quy định;

+ Thiết lập được mối quan hệ với doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tín dụng;

+ Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán ngân hàng;

+ Sử dụng thành thạo các chứng từ tài chính trong quản trị tài chính tại ngân hàng;

+ Kiểm tra được công tác tài chính, kế toán của ngân hàng;

+ Kiểm tra được công tác tài chính của khách hàng;

+ Cung cấp được đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động thương mại - dịch vụ phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở ngân hàng;

+ Tham mưu được cho lãnh đạo ngân hàng những ý kiến cải tiến làm cho công tác kế toán và công tác quản lý tài chính tiền tệ của ngân hàng đúng pháp luật;

+ Kỹ năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

+ Có lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội và những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác;

+ Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: thể dục, điền kinh, bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Học sinh sau khi tốt nghiệp, có thể làm việc tại ngân hàng ở các vị trí*:* Giao dịch viên, Quan hệ khách hàng, Phát hành thẻ ATM, Hỗ trợ tín dụng, Ngân quỹ, Chăm sóc khách hàng, Thẩm định tín dụng, Thanh toán quốc tế, Phân tích tài chính.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 280 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1725 giờ; Thời gian học tự chọn: 615 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 650 giờ; Thời gian học thực hành: 1690 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1725**	**405**	**1227**	**93**
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	**450**	**240**	**184**	**26**
MH 07	Luật kinh tế	30	20	8	2
MH 08	Soạn thảo văn bản	45	30	12	3
MĐ 09	Tiếng Anh chuyên ngành	90	40	46	4
MH 10	Kinh tế vi mô	60	40	17	3
MH 11	Lý thuyết thống kê	45	30	13	2
MH 12	Lý thuyết tài chính tiền tệ tín dụng	75	35	35	5
MH 13	Lý thuyết kế toán	60	30	26	4
MĐ 14	Marketing ngân hàng	45	15	27	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1275**	**165**	**1043**	**67**
MĐ 15	Tài chính doanh nghiệp	90	20	65	5
MĐ 16	Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng I	90	20	65	5
MĐ 17	Kế toán ngân hàng I	105	30	71	4
MĐ 18	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	90	20	66	4
MĐ 19	Thanh toán quốc tế	60	15	40	5
MĐ 20	Phân tích tài chính	90	20	66	4
MĐ 21	Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng II	90	20	60	10
MĐ 22	Tin học ứng dụng trong phân tích đầu tư tài chính	90	20	60	10
MĐ 23	Thực tập tốt nghiệp	570		550	20
	Tổng cộng	**1935**	**511**	**1314**	**110**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Gợi ý các môn học, mô đun tự chọn để các Cơ sở dạy nghề tham khảo là 17 môn học, mô đun, chi tiết cụ thể theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 24	Kinh tế phát triển	60	30	26	4
MĐ 25	Kinh tế quốc tế	45	15	28	2
MĐ 26	Kinh tế vĩ mô	45	15	27	3
MĐ 27	Quản trị tài chính hiện đại 1	60	25	30	5
MĐ 28	Quản tài chính hiện đại 2	60	25	32	3
MĐ 29	Quản trị dự án đầu tư	75	30	40	5
MH 30	Thị trường ngoại hối	45	15	25	5
MĐ 31	Thị trường chứng khoán	45	15	27	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 32	Thị trường tài chính	60	25	30	5
MH 33	Thống kê doanh nghiệp	60	30	26	4
MH 34	Toán tài chính	60	30	26	4
MH 35	Tài chính học	60	30	25	5
MH 36	Nguyên lý thực hành bảo hiểm	45	25	17	3
MĐ 37	Tài chính quốc tế	75	20	50	5
MĐ 38	Kế toán quỹ tín dụng	75	30	41	4
MH 39	Quản lý ngân sách	60	35	22	3
MH 40	Quản trị doanh nghiệp	60	30	27	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền.

- Nếu Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này để xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục V, sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình.

- Các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo 11/17 môn học, mô đun tự chọn ở bảng sau để đảm bảo số giờ quy định theo Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: tổng số giờ là 615 giờ chiếm 24% trong tổng thời gian đào tạo nghề, trong đó 245 giờ lý thuyết, 370 giờ thực hành.

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 25	Kinh tế quốc tế	45	15	28	2
MĐ 26	Kinh tế vĩ mô	45	15	27	3
MĐ 27	Quản trị tài chính hiện đại 1	60	25	30	5
MĐ 30	Thị trường ngoại hối	45	15	25	5
MĐ 31	Thị trường chứng khoán	45	15	27	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 32	Thị trường tài chính	60	25	30	5
MH 33	Thống kê doanh nghiệp	60	30	26	4
MH 36	Nguyên lý thực hành bảo hiểm	45	25	17	3
MĐ 37	Tài chính quốc tế	75	20	50	5
MĐ 38	Kế toán quỹ tín dụng	75	30	41	4
MH 40	Quản trị doanh nghiệp	60	30	27	3
	Tổng cộng	**615**	**245**	**328**	**42**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp nghề.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: các kiến thức trọng tâm về Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng I; Nghiệp vụ ngân hàng thương mại;

+ Thực hành nghề: các kỹ năng về Thực hành phân tích tài chính; Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng II;

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	 Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh) Không quá 90 phút Không quá 4 giờ Không quá 8 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại các doanh nghiệp.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	 Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác

Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung thực hành nghề tại cơ sở:

- Thực hành nghề được đào tạo ngay tại Trường, trong quá trình đào tạo cơ sở có thể sử dụng mô hình ngân hàng ảo để đào tạo nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh;

- Nội dung thực hành nghề đã được cụ thể theo đề cương đào tạo của mô đun thực hành nghề. Sau khi hướng dẫn chung có thể phân nhóm thực hành trên các bộ chứng từ của ngân hàng;

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo chương trình khung;

+ Các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình đào tạo, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Tài chính tín dụng
Mã nghề: 50340203
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương
Số lượng môn học, môđun đào tạo: 41
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán, kiểm toán, tài chính trong việc thực hiện nghiệp vụ tài chính - ngân hàng được giao;

+ Hiểu được những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, tài chính - ngân hàng, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, có kiến thức cơ bản và nâng cao về tiền tệ ngân hàng và thị trường chứng khoán;

+ Hiểu được phương pháp và cách thức sử dụng các thiết bị văn phòng hiện đại, các chương trình phần mềm tin học thông dụng trong trao đổi thông tin nghiệp vụ, trong quản lý ngân hàng và bảo mật thông tin;

+ Xác định được từng loại hình bảo lãnh của ngân hàng, hồ sơ vay vốn ngân hàng;

+ Xác định được các nội dung kế toán huy động, tín dụng, thanh toán tại ngân hàng;

+ Xác định được những nội dung kế toán tổng hợp, thanh toán điện tử liên ngân hàng, gửi tiết kiệm, cho vay, quyết toán;

+ Xác định được hình thức thanh toán và bộ chứng từ thanh toán quốc tế;

+ Xác định được các phương tiện thanh toán quốc tế, phương thức giao dịch thương mại, dịch vụ và quốc tế;

+ Xác định được phương pháp cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính tiền tệ, kế toán, thuế vào công tác tài chính - ngân hàng;

+ Đánh giá được tình hình hoạt động tài chính.

- Kỹ năng:

+ Lập được các chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán tài chính - kế toán ngân hàng;

+ Sử dụng đúng các chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;

+ Ứng dụng được các phương thức, biện pháp huy động vốn, cho vay, cho thuê vào các ngân hàng;

+ Thực hiện được việc tổ chức công tác tài chính kế toán phù hợp với loại hình ngân hàng;

+ Thiết lập được mối quan hệ với doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tín dụng;

+ Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán ngân hàng;

+ Sử dụng thành thạo chứng từ tài chính trong quản trị tài chính tại ngân hàng;

+ Lập được chính xác các loại báo cáo tài chính theo quy định;

+ Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của ngân hàng;

+ Phân tích được tình hình kinh tế, tài chính của khách hàng;

+ Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động thương mại - dịch vụ phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở ngân hàng;

+ Tham mưu được cho lãnh đạo ngân hàng những ý kiến cải tiến làm cho công tác kế toán và công tác quản lý tài chính tiền tệ của ngân hàng đúng pháp luật;

+ Phân tích được các báo cáo tài chính để thẩm định hồ sơ tín dụng;

+ Kỹ năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng;

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác;

+ Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: thể dục, điền kinh, bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sinh viên sau khi tốt nghiệp, có thể làm việc tại ngân hàng ở các vị trí*:* Giao dịch viên, Quan hệ khách hàng, Phát hành thẻ ATM, Hỗ trợ tín dụng, Ngân quỹ, Chăm sóc khách hàng, Thẩm định tín dụng, Thanh toán quốc tế, Phân tích tài chính.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2415 giờ; Thời gian học tự chọn: 885 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 1060 giờ; Thời gian học thực hành: 2240 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	**7**	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	120	60	50	10
II	*Các môn học,mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2415**	**710**	**1578**	**127**
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở kỹ thuật cơ sở	**510**	**280**	**200**	**30**
MH 07	Luật kinh tế	30	20	8	2
MH 08	Toán kinh tế	60	40	16	4
MH 09	Soạn thảo văn bản	45	30	12	3
MĐ 10	Tiếng Anh chuyên ngành	90	40	46	4
MH 11	Kinh tế vi mô	60	40	17	3
MH 12	Lý thuyết thống kê	45	30	13	2
MH 13	Lý thuyết tài chính tiền tệ tín dụng	75	35	35	5
MH 14	Lý thuyết kế toán	60	30	26	4
MĐ 15	Marketing ngân hàng	45	15	27	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1905**	**430**	**1378**	**97**
MH 16	Tài chính doanh nghiệp	120	60	55	5
MĐ 17	Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng I	150	40	105	5
MĐ 18	Kế toán ngân hàng I	105	30	71	4
MĐ 19	Kế toán ngân hàng II	105	30	71	4
MĐ 20	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	170	60	103	7
MĐ 21	Phân tích hoạt động kinh doanh	75	30	38	7
MĐ 22	Thanh toán quốc tế	60	15	40	5
MĐ 23	Phân tích tài chính	180	70	95	15
MĐ 24	Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng II	180	45	120	15
MĐ 25	Tin học ứng dụng trong phân tích đầu tư tài chính	120	50	60	10
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	640	0	620	20
	Tổng cộng	**2865**	**930**	**1778**	**157**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm tỷ lệ từ 65% đến 85% và lý thuyết chiếm từ 15% đến 35%.

- Gợi ý các môn học, mô đun tự chọn để các Cơ sở dạy nghề tham khảo là 19 môn học, mô đun, chi tiết cụ thể theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 27	Lập và phân tích dự án	75	20	51	4
MĐ 28	Kinh tế quốc tế	45	15	28	2
MĐ 29	Kinh tế vĩ mô	45	15	27	3
MĐ 30	Quản trị tài chính hiện đại 1	60	25	30	5
MĐ 31	Quản tài chính hiện đại 2	60	25	32	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 32	Quản trị dự án đầu tư	75	30	40	5
MĐ 33	Thị trường ngoại hối	45	15	25	5
MĐ 34	Thị trường chứng khoán	45	15	27	3
MĐ 35	Thị trường tài chính	60	25	30	5
MH 36	Thống kê doanh nghiệp	60	30	26	4
MH 37	Toán tài chính	60	30	26	4
MH 38	Tài chính học	60	30	25	5
MH 39	Nguyên lý thực hành bảo hiểm	45	25	17	3
MĐ 40	Tài chính quốc tế	75	20	50	5
MĐ 41	Kế toán quỹ tín dụng	75	30	41	4
MH 42	Quản lý ngân sách	60	35	22	3
MH 43	Quản trị doanh nghiệp	60	30	27	3
MH 44	Kinh tế phát triển	60	30	26	4
MH 45	Kế toán quản trị	75	45	26	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền.

- Nếu Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này đã xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục V, sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Cơ sở của mình.

- Các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo 15/19 môn học, mô đun tự chọn ở bảng sau để đảm bảo số giờ quy định theo Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: tổng số giờ là 885 giờ chiếm 23,6% trong tổng thời gian đào tạo nghề, trong đó 350 giờ lý thuyết, 535 giờ thực hành.

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 27	Lập và phân tích dự án	75	20	51	4
MĐ 28	Kinh tế quốc tế	45	15	28	2
MĐ 29	Kinh tế vĩ mô	45	15	27	3
MĐ 30	Quản trị tài chính hiện đại 1	60	25	30	5
MĐ 31	Quản tài chính hiện đại 2	60	25	32	3
MĐ 32	Quản trị dự án đầu tư	75	30	40	5
MĐ 33	Thị trường ngoại hối	45	15	25	5
MĐ 34	Thị trường chứng khoán	45	15	27	3
MĐ 35	Thị trường tài chính	60	25	30	5
MH 36	Thống kê doanh nghiệp	60	30	26	4
MH 38	Tài chính học	60	30	25	5
MH 39	Nguyên lý thực hành bảo hiểm	45	25	17	3
MH 40	Tài chính quốc tế	75	20	50	5
MĐ 41	Kế toán quỹ tín dụng	75	30	41	4
MH 43	Quản trị doanh nghiệp	60	30	27	3
	Tổng cộng	**885**	**350**	**476**	**59**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Sinh viên phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Cao đẳng nghề.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: các kiến thức trọng tâm về: Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng I; Nghiệp vụ ngân hàng thương mại;

+ Thực hành nghề: các kỹ năng về Phân tích tài chính; Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng II.

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 4 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 8 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại các doanh nghiệp.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học

4. Các chú ý khác

- Thực hành nghề được đào tạo ngay tại trường, trong quá trình đào tạo cơ sở có thể sử dụng mô hình ngân hàng ảo để đào tạo nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

- Nội dung thực hành nghề đã được cụ thể theo đề cương đào tạo của mô đun thực hành nghề. Sau khi hướng dẫn chung có thể phân nhóm thực hành trên các bộ chứng từ của từng loại hình ngân hàng.

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo chương trình khung;

+ Các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình đào tạo, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.

Phụ lục 03

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Tài chính doanh nghiệp"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2014/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Tài chính doanh nghiệp

Mã nghề: 40340201

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì bổ sung phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 33

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Vận dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính trong việc thực hiện nghề tài chính doanh nghiệp;

+ Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh, tài chính - tiền tệ vào trong việc thực hiện nghiệp vụ tài chính được đào tạo theo đúng chuyên ngành ở vị trí công tác được giao;

+ Vận dụng được kiến thức tin học, ngoại ngữ vào trong công tác quản lý tài chính doanh nghiệp;

+ Vận dụng được kiến thức về phân tích tài chính vào trong doanh nghiệp với những khía cạnh phân tích chính: tình hình huy động, sử dụng vốn; kết quả kinh doanh; tình hình thanh toán; khả năng sinh lời; dự án đầu tư của doanh nghiệp;

+ Hiểu được phương pháp vận dụng hệ thống thông tin, dữ liệu vào các quá trình hoạt động, quản lý tài chính trong doanh nghiệp;

+ Nắm được cách thức tổ chức, quản lý hoạt động tài chính phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Tổ chức được công tác tài chính phù hợp với từng doanh nghiệp;

+ Lập được các báo cáo tài chính của doanh nghiệp;

+ Cung cấp được thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;

+ Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong kế toán và tài chính doanh nghiệp;

+ Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về tham nhũng và chống tham nhũng;

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác;

+ Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: thể dục, điền kinh, bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi học xong trình độ trung cấp nghề Tài chính doanh nghiệp, có thể làm việc tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 280 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1575 giờ; Thời gian học tự chọn: 765 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 720 giờ; Thời gian học thực hành: 1620 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	60	30	25	5
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**1575**	**538**	**977**	**60**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**390**	**240**	**126**	**24**
MH 07	Kinh tế chính trị	60	40	16	4
MH 08	Luật kinh tế	30	20	8	2
MH 09	Toán tài chính	60	30	27	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 10	Nguyên lý thống kê	45	30	12	3
MH 11	Kinh tế vi mô	60	40	17	3
MH 12	Lý thuyết tài chính	60	40	16	4
MH 13	Nguyên lý kế toán	75	40	30	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1185**	**298**	**851**	**36**
MĐ 14	Thuế	60	30	26	4
MĐ 15	Thống kê doanh nghiệp	60	30	26	4
MH 16	Lập và phân tích dự án	90	60	24	6
MH 17	Kế toán tài chính	90	60	24	6
MĐ 18	Tin học ứng dụng trong tài chính	60	16	40	4
MĐ 19	Tài chính doanh nghiệp 1	120	42	70	8
MH 20	Phân tích tài chính doanh nghiệp	90	60	26	4
MĐ 21	Thực tập tốt nghiệp	615	0	615	0
Tổng cộng		**1785**	**644**	**1064**	**77**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính chất tham khảo) để áp dụng cho cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm tỷ lệ từ 70% đến 85% và lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%.

- Gợi ý các môn học, mô đun tự chọn để các cơ sở dạy nghề tham khảo là 22 môn học, mô đun theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 22	Soạn thảo văn bản	45	27	15	3
MH 23	Quản trị học	45	25	17	3
MH 24	Marketing	60	35	21	4
MH 25	Kinh tế phát triển	45	25	17	3
MH 26	Tâm lý học quản trị kinh doanh	45	30	12	3
MH 27	Kinh tế quốc tế	45	25	17	3
MH 28	Thanh toán tín dụng quốc tế	45	30	12	3
MH 29	Quản trị văn phòng	45	25	17	3
MH 30	Quản lý ngân sách	45	25	17	3
MĐ 31	Dự toán ngân sách doanh nghiệp	45	20	22	3
MH 32	Tài chính công	60	30	27	3
MH 33	Bảo hiểm	60	30	27	3
MĐ 34	Thị trường chứng khoán	60	30	27	3
MĐ 35	Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp	60	15	42	3
MH 36	Quản trị rủi ro tài chính	60	30	27	3
MĐ 37	Đầu tư tài chính	60	15	42	3
MH 38	Nghiệp vụ ngân hàng	60	30	27	3
MH 39	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	60	30	27	3
MĐ 40	Thực hành tài chính doanh nghiệp	90	0	85	5
MĐ 41	Thực hành đầu tư tài chính	90	0	85	5
MĐ 42	Thực hành thị trường chứng khoán	90	0	85	5
MĐ 43	Thực hành nghiệp vụ ngân hàng	90	0	85	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do cơ sở dạy nghề xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền.

- Nếu cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục III, sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho cơ sở của mình.

- Các cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn 12 môn học, mô đun ở bảng sau để đảm bảo số giờ quy định theo Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐTBXH ngày 09/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: tổng số giờ là 765 giờ chiếm 30% trong tổng thời gian đào tạo nghề.

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH22	Soạn thảo văn bản	45	27	15	3
MH23	Quản trị học	45	25	17	3
MĐ24	Marketing	45	20	21	4
MH29	Quản trị văn phòng	45	25	17	3
MH30	Quản lý ngân sách	45	25	17	3
MĐ33	Bảo hiểm	60	20	37	3
MĐ34	Thị trường chứng khoán	60	20	37	3
MĐ38	Nghiệp vụ ngân hàng	60	20	37	3
MĐ40	Thực hành tài chính doanh nghiệp	90		85	5
MĐ41	Thực hành đầu tư tài chính	90		85	5
MĐ42	Thực hành thị trường chứng khoán	90		85	5
MĐ43	Thực hành nghiệp vụ ngân hàng	90		85	5
	Tổng cộng	**765**	**182**	**538**	**45**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp nghề.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: các kiến thức trọng tâm về: tài chính doanh nghiệp;

+ Thực hành nghề: các kỹ năng về lập kế hoạch tài chính, phân tích tài chính, kiểm tra và kiểm soát tài chính trong doanh nghiệp, quản lý ngân sách hoạt động doanh nghiệp, báo cáo tài chính doanh nghiệp.

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	 Viết, Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi lý thuyết và thực hành	 Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên) Không quá 4 giờ Không quá 8 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí sinh viên tham quan, học tập, tham gia trực tiếp làm việc tại các đơn vị, nhà máy, doanh nghiệp.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học

4. Các chú ý khác

Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung thực hành nghề tại cơ sở:

- Thực hành nghề được đào tạo ngay tại trường, trong quá trình đào tạo cơ sở có thể sử dụng các mô hình để đào tạo nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh.

- Nội dung thực hành nghề đã được cụ thể theo đề cương đào tạo của mô đun thực hành nghề. Sau khi hướng dẫn chung có thể phân nhóm thực hành trên các số liệu thực tế của từng loại hình doanh nghiệp.

- Thực hành tốt nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo chương trình khung;

+ Các cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình đào tạo, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Tài chính doanh nghiệp
Mã nghề: 50340201
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34
Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Vận dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính trong việc thực hiện nghề tài chính doanh nghiệp;

+ Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh, tài chính - tiền tệ vào việc thực hiện nghiệp vụ tài chính được đào tạo theo đúng chuyên ngành ở vị trí công tác được giao;

+ Vận dụng được kiến thức tin học, ngoại ngữ vào trong công tác quản lý tài chính doanh nghiệp;

+ Vận dụng được kiến thức về phân tích tài chính vào trong doanh nghiệp với những khía cạnh phân tích chính: tình hình huy động, sử dụng vốn; kết quả kinh doanh; tình hình thanh toán; khả năng sinh lời; dự án đầu tư của doanh nghiệp;

+ Trình bày được cách thức lập kế hoạch tài chính (dự báo tài chính) về lượng vốn cần huy động, doanh thu, chi phí bán hàng, chi phí nhân sự cũng như các chi phí khác trong hoạt động của doanh nghiệp;

+ Nắm được phương pháp tổ chức thực hiện công tác tài chính trong doanh nghiệp: tìm kiếm nguồn vốn, quản trị vốn và tài sản, khấu hao, đầu tư;

+ Hiểu được những biện pháp kiểm tra và kiểm soát hoạt động tài chính trong doanh nghiệp;

+ Nắm được quy trình đầu tư và quyết định dự án đầu tư hiệu quả trong doanh nghiệp;

+ Hiểu được phương pháp vận dụng hệ thống thông tin, dữ liệu vào các quá trình hoạt động, quản lý tài chính trong doanh nghiệp;

+ Nắm được cách thức tổ chức, quản lý hoạt động tài chính phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp;

+ Cập nhật được các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, vào công tác quản lý tài chính tại doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Tổ chức được công tác tài chính phù hợp với từng doanh nghiệp;

+ Lập được kế hoạch tài chính doanh nghiệp;

+ Lập được các báo cáo tài chính của doanh nghiệp;

+ Phân tích được tình hình kinh tế, tài chính doanh nghiệp;

+ Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính của doanh nghiệp;

+ Cung cấp được đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;

+ Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong kế toán và tài chính doanh nghiệp;

+ Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

+ Có lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa Xã hội và những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác;

+ Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: thể dục, điền kinh, bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi học xong trình độ cao đẳng nghề Tài chính doanh nghiệp, sinh viên có thể làm việc:

- Tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ và các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Làm việc tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2415 giờ; Thời gian học tự chọn: 885 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 1060 giờ; Thời gian học thực hành: 2240 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	*Các môn học chung*	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	120	60	50	10

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II	*Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc*	**2415**	**890**	**1430**	**95**
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	**570**	**350**	**185**	**35**
MH 07	Kinh tế chính trị	60	40	16	4
MH 08	Luật kinh tế	60	30	27	3
MH 09	Toán tài chính	60	30	27	3
MH 10	Nguyên lý thống kê	45	30	12	3
MH 11	Anh văn chuyên ngành	60	40	16	4
MH 12	Kinh tế vi mô	60	40	17	3
MH 13	Kinh tế vĩ mô	45	30	12	3
MH 14	Lý thuyết tài chính	60	40	16	4
MH 15	Lý thuyết tiền tệ - tín dụng	45	30	12	3
MH 16	Nguyên lý kế toán	75	40	30	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1845**	**540**	**1245**	**60**
MH 17	Quản trị doanh nghiệp	60	40	17	3
MĐ 18	Thuế	60	30	26	4
MĐ 19	Thống kê doanh nghiệp	60	30	26	4
MH 20	Phân tích hoạt động kinh doanh	90	60	24	6
MH 21	Lập và phân tích dự án	90	60	24	6
MH 22	Kế toán tài chính	90	60	24	6
MĐ 23	Tin học ứng dụng trong tài chính	60	16	40	4
MĐ 24	Tài chính doanh nghiệp 1	120	42	70	8
MĐ 25	Tài chính doanh nghiệp 2	120	42	70	8
MH 26	Phân tích tài chính doanh nghiệp	90	60	26	4
MH 27	Lập báo cáo tài chính	90	60	26	4
MH 28	Kiểm soát hệ thống quản lý tài chính trong doanh nghiệp	60	40	17	3
MĐ 29	Thực tập nghề	215	0	215	0
MĐ 30	Thực tập tốt nghiệp	640	0	640	0
Tổng cộng		**2865**	**1110**	**1630**	**125**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính chất tham khảo) để áp dụng cho cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm tỷ lệ từ 65% đến 85% và lý thuyết chiếm từ 15% đến 35%;

- Gợi ý các môn học, mô đun tự chọn để các cơ sở dạy nghề tham khảo là 22 môn học, mô đun theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 31	Soạn thảo văn bản	45	27	15	3
MH 32	Quản trị học	45	25	17	3
MH 33	Marketing	60	35	21	4
MH 34	Kinh tế phát triển	45	25	17	3
MH 35	Tâm lý học quản trị kinh doanh	45	30	12	3
MH 36	Kinh tế quốc tế	45	25	17	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 37	Thanh toán tín dụng quốc tế	45	30	12	3
MH 38	Quản trị văn phòng	45	25	17	3
MH 39	Quản lý ngân sách	45	25	17	3
MĐ 40	Dự toán ngân sách doanh nghiệp	45	20	22	3
MH 41	Tài chính công	60	30	27	3
MH 42	Bảo hiểm	60	30	27	3
MH 43	Thị trường chứng khoán	60	30	27	3
MĐ 44	Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp	60	15	42	3
MH 45	Quản trị rủi ro tài chính	60	30	27	3
MĐ 46	Đầu tư tài chính	60	15	42	3
MH 47	Nghiệp vụ ngân hàng	60	30	27	3
MH 48	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	60	30	27	3
MĐ 49	Thực hành tài chính doanh nghiệp	90	0	85	5
MĐ 50	Thực hành đầu tư tài chính	90	0	85	5
MĐ 51	Thực hành thị trường chứng khoán	90	0	85	5
MĐ 52	Thực hành nghiệp vụ ngân hàng	90	0	85	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do cơ sở dạy nghề từ xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền.

- Nếu cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục III, sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho cơ sở của mình.

- Các cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn 14 môn học, mô đun ở bảng sau để đảm bảo số giờ quy định theo Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: tổng số giờ là 885 giờ chiếm 23,6% trong tổng thời gian đào tạo nghề.

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 31	Soạn thảo văn bản	45	27	15	3
MH 32	Quản trị học	45	25	17	3
MH 40	Dự toán ngân sách doanh nghiệp	45	20	22	3
MH 41	Tài chính công	60	30	27	3
MH 42	Bảo hiểm	60	30	27	3
MĐ 43	Thị trường chứng khoán	60	30	27	3
MH 44	Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp	60	15	42	3
MĐ 45	Quản trị rủi ro tài chính	60	30	27	3
MĐ 46	Đầu tư tài chính	60	15	42	3
MĐ 47	Nghiệp vụ ngân hàng	60	30	27	3
MĐ 48	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	60	30	27	3
MĐ 49	Thực hành tài chính doanh nghiệp	90	0	85	5
MĐ 50	Thực hành đầu tư tài chính	90	0	85	5
MĐ 51	Thực hành thị trường chứng khoán	90	0	85	5
	Tổng cộng	**885**	**282**	**555**	**48**

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Sinh viên phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Cao đẳng nghề.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: các kiến thức trọng tâm về tài chính doanh nghiệp;

+ Thực hành nghề: các kỹ năng về lập kế hoạch tài chính, phân tích tài chính, kiểm tra và kiểm soát tài chính trong doanh nghiệp, quản lý ngân sách hoạt động doanh nghiệp, báo cáo tài chính doanh nghiệp.

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết, Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/ sinh viên)
	- Thực hành nghề	Trắc nghiệm	Không quá 90 phút
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi thực hành Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 4 giờ Không quá 8 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí sinh viên tham quan, học tập, tham gia trực tiếp làm việc tại các đơn vị, nhà máy, doanh nghiệp.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học

4. Các chú ý khác

Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung thực hành nghề tại cơ sở:

- Thực hành nghề được đào tạo ngay tại trường, trong quá trình đào tạo cơ sở có thể sử dụng các mô hình để đào tạo nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

- Nội dung thực hành nghề đã được cụ thể theo đề cương đào tạo của mô đun thực hành nghề. Sau khi hướng dẫn chung có thể phân nhóm thực hành trên các số liệu thực tế của từng loại hình doanh nghiệp.

- Thực hành tốt nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo chương trình khung;

+ Các cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình đào tạo, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.

(Xem tiếp Công báo số 589 + 590)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng